

Hợp tác Ấn Độ - Nhật Bản trong bối cảnh địa chính trị thay đổi ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương

Nguyễn Thu Trang*

Viện Nghiên cứu Nam Á, Tây Á và châu Phi, 176 Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận bài 14/8/2024; ngày chuyển phản biện 20/8/2024; ngày nhận phản biện 29/8/2024; ngày chấp nhận đăng 5/9/2024

Tóm tắt:

Ấn Độ và Nhật Bản là những đồng minh tự nhiên ở châu Á, có lịch sử hợp tác lâu đời từ những năm 1950. Kể từ khi hai bên xác lập “đối tác chiến lược toàn cầu” cho đến việc định hình chính thức chiến lược “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, tự do và rộng mở”, hợp tác song phương giữa hai nước ngày càng phát triển. Bài báo sử dụng lý thuyết cân bằng quyền lực và lý thuyết vai trò để làm rõ hai câu hỏi chính: 1) Khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương có vai trò như thế nào trong chính sách của Ấn Độ và Nhật Bản; 2) Hợp tác Ấn Độ - Nhật Bản phát triển trong những lĩnh vực nào. Bài báo lập luận rằng, nhu cầu cân bằng về sức mạnh của Ấn Độ và Nhật Bản thông qua hợp tác nhằm tạo đối trọng với Trung Quốc ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Bên cạnh đó, các hoạt động hợp tác trong mọi lĩnh vực giữa Ấn Độ và Nhật Bản có thể tạo ra thế cân bằng cùng với sự hỗ trợ của các quốc gia trong khu vực để mang lại trật tự an ninh ổn định ở châu Á, thúc đẩy một khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do, mở và toàn diện, giải quyết các thách thức an ninh phi truyền thống và tăng cường hợp tác trong các lĩnh vực như chống khủng bố, an ninh mạng và phát triển cơ sở hạ tầng.

Từ khóa: Ấn Độ, Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, địa chính trị, Nhật Bản.

Chỉ số phân loại: 5.6, 5.7, 5.12

India-Japan cooperation in the changing geopolitical context of the Indo-Pacific

Thu Trang Nguyen*

Institute for South Asian, West Asian and African Studies, 176 Thai Ha Street, Trung Liet Ward, Dong Da District, Hanoi, Vietnam

Received 14 August 2024; revised 29 August 2024; accepted 5 September 2024

Abstract:

India and Japan are natural allies in Asia, having a history of collaboration extending back to the 1950s. Bilateral cooperation between the two nations has grown significantly since the establishment of a “global strategic partnership” and the official formulation of the “Free and Open Indo-Pacific” strategy. This article uses a balance of power theory and role theory to answer two major questions: 1) What role does the Indo-Pacific region play in Indian and Japanese policy?; 2) In which areas India-Japan cooperation has evolved? The article contends that the power balance through the cooperation of India and Japan aims to counteract China in the Indo-Pacific region. In addition, collaborative activities in various fields between India and Japan, along with support from other regional countries, can create a balance of power to ensure a stable security order in Asia and promote a free, open, and inclusive Indo-Pacific region, address non-traditional security challenges, and strengthens collaboration in areas such as counterterrorism, cybersecurity, and infrastructure development.

Keywords: geopolitics, India, Indo-Pacific, Japan.

Classification numbers: 5.6, 5.7, 5.12

*Email: Trangkum91@gmail.com

1. Đặt vấn đề

Hai quốc gia Ấn Độ, Nhật Bản có quan hệ hợp tác lâu đời, không có xung đột về lợi ích chiến lược, chia sẻ mục tiêu chung là ổn định, hòa bình và tìm kiếm một trật tự an ninh được thể chế hóa ở châu Á. Thực tế, Ấn Độ và Nhật Bản đều có mối lo ngại chung về quyền bá chủ của Trung Quốc và tìm cách tái cân bằng chiến lược trong khu vực. Cách tiếp cận này cũng bổ sung cho phương châm “tạo ra một châu Á mới” của Ấn Độ, tương ứng với việc đề cao những giá trị dân chủ của Thủ tướng Shinzo Abe nhằm hướng tới sự hợp tác chiến lược mạnh mẽ Ấn - Nhật cả về kinh tế và quân sự. “Nếu châu Á trở thành đầu tàu, nhà lãnh đạo trong thế kỷ XXI, Nhật Bản - Ấn Độ sẽ dẫn dắt và thúc đẩy khu vực tiến tới một con đường phát triển hòa bình, quyết định bởi cách hai nguyên thủ Narendra Modi và Shinzo Abe hợp tác với nhau, cùng chia sẻ trách nhiệm vì hòa bình, tiến bộ và thịnh vượng chung” [1].

Kể thừa những kết quả nghiên cứu điển hình, bài viết dựa trên những nguồn dữ liệu thứ cấp và các báo cáo chính thức từ Bộ Ngoại giao của Ấn Độ và Nhật Bản để giải quyết hai vấn đề chính: (i) Vai trò của Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương trong chính sách của Ấn Độ và Nhật Bản và (ii) Việc hợp tác Ấn Độ - Nhật Bản dựa trên 3 lĩnh vực gồm chính trị - ngoại giao, an ninh - quốc phòng và kinh tế. Kết quả nghiên cứu nhằm mục đích cung cấp cho các nhà hoạch định chính sách và các học giả những hiểu biết sâu sắc về hợp tác giữa Ấn Độ - Nhật Bản trong bối cảnh ổn định khu vực và cân bằng quyền lực ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

2. Phương pháp nghiên cứu

Đối với những đe dọa lợi ích quốc gia của Ấn Độ, lý thuyết cân bằng quyền lực được xem là phù hợp để phân tích nhu cầu cân bằng về sức mạnh của Ấn Độ thông qua hợp tác nhằm “ngăn chặn sự thống trị hay sự vượt trội quyền lực của một quốc gia nào đó” [2]. Cân bằng quyền lực thường đề cập đến cân bằng quân sự tương đối của các chủ thể trong quan hệ quốc tế, các định nghĩa được chấp nhận phổ biến nhất đều đề cập đến sự cân bằng quyền lực giữa các quốc gia nhằm duy trì sự ổn định và hòa bình. S.R. Chinoy (2020) [3] và Ngaibakching và cs (2019) [4] cũng đồng quan điểm khi nhận định, với sự chênh lệch quyền lực ngày càng lớn giữa Trung Quốc và Ấn Độ, Ấn Độ đang mở rộng quan hệ đối tác với các chủ thể cân bằng quyền lực ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Rõ nét và quan trọng nhất hiện nay là Mỹ và Nhật Bản, các cường quốc có tiềm lực kinh tế, quốc phòng mạnh có thể đóng vai trò là chủ thể cân bằng quân sự trong khu vực.

Trong bối cảnh hợp tác song phương, Ấn Độ thực thi chính sách cân bằng quyền lực để theo đuổi mục tiêu duy trì hòa bình và ổn định trong khu vực. Điều này được thực hiện thông qua cân bằng bên trong, bằng cách tăng cường sức mạnh quốc gia qua phát triển nội lực và cân bằng bên ngoài, qua việc hợp tác với các đối tác đa phương và song phương. Nhật Bản đang thực thi chiến lược “cân bằng quyền lực” để đối trọng Trung Quốc khi nước này đang gây căng thẳng tại biển Đông và biển Hoa Đông. Chiến lược của Nhật Bản được thực hiện thông qua hai con đường là tăng cường nội lực và tìm kiếm sự trợ giúp từ ngoại lực của các nước nhằm khẳng định vai trò mới của Nhật Bản.

Để tạo ra một khuôn khổ đánh giá khách quan, nghiên cứu kết hợp Lý thuyết vai trò (Role theory) của K. Holsti (1970) [5] để làm khung đánh giá vai trò và tác động của quan hệ Ấn Độ - Nhật Bản ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. R.H. Turner (2001) [6] định nghĩa: vai trò là khái niệm “thể hiện các giá trị và khả năng một chủ thể có thể thực hiện

hoặc đem tới trong các tương tác với các chủ thể khác”. Lý thuyết vai trò của K. Holsti (1970) [5] cho rằng, “vai trò của một chủ thể trong quan hệ quốc tế là kết quả của sự tương tác giữa ba biến số: (i) Những nhân tố bên ngoài đòi hỏi chủ thể đóng một vai trò trong hệ thống, (ii) Kỳ vọng của chủ thể nhằm thực hiện vai trò đó, (iii) Khả năng của chủ thể trong việc thực hiện vai trò đó”.

Theo Lý thuyết vai trò, vai trò trong quan hệ Ấn Độ - Nhật Bản trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương được thể hiện như sau. *Thứ nhất*, về những nhân tố bên ngoài đòi hỏi chủ thể đóng một vai trò trong hệ thống: được thể hiện rõ ràng nhất thông qua các tuyên bố của Mỹ. *Thứ hai*, kỳ vọng của chủ thể trong việc thực hiện vai trò đó: được thể hiện thông qua vai trò và nỗ lực trong quan hệ Ấn Độ - Nhật Bản nhằm giữ gìn hòa bình, an ninh trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. *Thứ ba*, khả năng của chủ thể trong việc thực hiện vai trò đó: được thể hiện ở vai trò “chủ thể cung cấp an ninh trong khu vực” của Ấn Độ và vai trò cân bằng của cặp quan hệ Ấn Độ - Nhật Bản trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ và Nhật Bản

3.1.1. Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương trong chính sách của Ấn Độ

Trên thực tế, ban đầu Ấn Độ là quốc gia khá do dự trong việc thừa nhận khái niệm Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương như một đơn vị địa chính trị. Sự mơ hồ chiến lược từng được gắn với đặc trưng văn hóa, chính trị của Ấn Độ như là một sự cố tình để giúp cho các chính sách của Ấn Độ có thể thích ứng được với nhiều cách giải thích khác nhau. Thậm chí, Bộ Ngoại giao của nước này cũng hạn chế sử dụng thuật ngữ này và chủ yếu chỉ khẳng định tầm quan trọng của Ấn Độ Dương và hướng Đông của Ấn Độ thông qua chính sách hướng Đông. B.A. Thoker và cs (2018) [7] thì cho rằng, có hai cách tiếp cận quan trọng của Ấn Độ đối với khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: một là, gia tăng phạm vi ảnh hưởng của Ấn Độ ở phía Bắc Ấn Độ Dương và hai là, giành vị thế chiến lược lớn hơn cho Ấn Độ ở Đông Nam Á và Thái Bình Dương.

Chuyển từ chính sách hướng Đông sang Hành động phía Đông: Chính sách Hành động phía Đông của Ấn Độ được điều chỉnh từ chính sách hướng Đông trước những năm 2000 nhằm ứng phó với sự trỗi dậy và quyết đoán của Trung Quốc, sự bất cân bằng của trật tự an ninh khu vực và quốc tế thời kỳ sau Chiến tranh Lạnh và phù hợp với sức mạnh ngày càng tăng của Ấn Độ trên quốc tế [3]. Mục tiêu chính sách Hành động phía Đông là đảm bảo sự cân bằng quyền lực ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, trong đó tập trung vào 4 vấn đề quan trọng: đảm bảo an ninh ở khu vực Ấn Độ Dương, hội nhập với Đông Nam Á, tăng cường quan hệ đối tác chiến lược với cường quốc cân bằng khác như Mỹ, Nhật Bản và quản lý sự khác biệt với Trung Quốc. Như vậy, nếu như mục tiêu ban đầu của chính sách hướng Đông là thúc đẩy phát triển kinh tế Ấn Độ thông qua tăng cường hợp tác với châu Á thì mục tiêu của chính sách Hành động phía Đông là duy trì sự cân bằng quyền lực trong khu vực bằng cách đảm bảo khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: tự do, mở và bao trùm [8].

Chuyển từ Chính sách “Nghĩ về phía Tây” (Think West Policy) sang Chính sách “Kết nối phía Tây” (Link West Policy): Chính sách “hướng Tây” (Look West Policy) là chính sách của Ấn Độ đối với Tây Á, được Thủ tướng Manmohan Singh đưa ra năm 2005, trước khi Thủ tướng Modi lên cầm quyền [9]. Tây Á có vị trí quan trọng trong khu vực láng giềng mở

rộng của New Delhi do liên quan đến lợi ích kinh tế, an ninh năng lượng, các xung đột, mâu thuẫn trong khu vực và sự định hình lại liên minh ở Tây Á. Như vậy, khi tiếp cận khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương như một thực thể thống nhất và bao trùm. Trong bối cảnh Trung Quốc ngày càng mở rộng sự hiện diện về quân sự và kinh tế, cùng với sự mở rộng phạm vi ảnh hưởng ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, Ấn Độ đang nỗ lực trở thành một thành viên giám sát chặt chẽ sự phát triển an ninh trong khu vực.

Vai trò trở thành chủ thể cung cấp an ninh khu vực: Thủ tướng Manmohan Singh năm 2013 đã có bài phát biểu “Trong khi bảo vệ Tổ quốc, chúng tôi cũng phải chuẩn bị để đảm bảo vai trò của Ấn Độ đang mở rộng trên toàn cầu. Chúng tôi cũng đã nỗ lực để đảm nhận trách nhiệm duy trì ổn định đối với khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Do đó, chúng tôi có nền tảng tuyệt vời để trở thành chủ thể cung cấp an ninh ở trong và ngoài khu vực cũng như xa hơn nữa” [10]. Vai trò “chủ thể cung cấp an ninh” thường được gắn liền với vai trò của các cường quốc và các nước lớn có thừa và đủ khả năng sử dụng các tài sản quốc gia dư thừa của họ vì sự an toàn và ổn định của các quốc gia khác. A. Mukherjee (2014) [11] đã đề cập đến 4 hình thức hoạt động thể hiện vai trò “chủ thể cung cấp an ninh” của Ấn Độ gồm: (1) Nâng cao năng lực (Capacity building), (2) Ngoại giao quân sự (Military diplomacy), (3) Hỗ trợ quân sự (Military assistance), (4) Triển khai trực tiếp lực lượng quân sự để hỗ trợ và ổn định tình hình. Vai trò này của Ấn Độ liên tục được nhắc đến không chỉ trên các diễn đàn châu Á và sự thừa nhận của Mỹ thông qua các diễn ngôn mà còn từ thực tế khả năng quân sự, ý chí chính trị của Ấn Độ trước sự trỗi dậy của Trung Quốc ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Các nhà hoạch định chính sách Mỹ tìm cách khuyến khích Ấn Độ phát huy lợi thế chiến lược về vị trí địa lý, nhằm trở thành một trung tâm quyền lực của Ấn Độ Dương và châu Á - Thái Bình Dương, đồng thời đóng vai trò chủ thể đảm bảo an ninh trong khu vực [12].

Hướng tới vai trò định hình khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở: Về tổng thể, cách tiếp cận của Ấn Độ đối với khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương đã có sự phát triển và thay đổi qua các thời kỳ. Vai trò của Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương trong chính sách của Ấn Độ không chỉ còn áp dụng cách tiếp cận dựa trên các lợi ích cổ điển (classic interests-based approach) mà đã tiến tới cách tiếp cận dựa trên các giá trị quốc gia (national values-based approach) và phát triển dựa trên các vấn đề quốc tế (international issues-based approach) [13].

Phát biểu của Thủ tướng Modi tại Hội nghị Shangri-La năm 2018: “Định mệnh của thế giới sẽ chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi quá trình phát triển ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Sự tham gia của Ấn Độ ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, từ bờ biển châu Phi đến bờ biển châu Mỹ, sẽ mang tính bao trùm, hướng đến sự Tôn trọng (Respect), Đối thoại (Dialogue), Hợp tác (Cooperation), Hòa bình (Peace) và Thịnh vượng (Prosperity). Chúng tôi sẽ thúc đẩy một trật tự quốc tế dân chủ và dựa trên các quy tắc, trong đó tất cả các quốc gia, nhỏ và lớn, phát triển thịnh vượng như những quốc gia bình đẳng và có chủ quyền” [14]. Bài phát biểu thể hiện cách tiếp cận của Ấn Độ đối với khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương là một chính sách đối ngoại thực dụng gắn liền với các nguyên tắc của chủ nghĩa hiện thực, khẳng định sự hòa hợp với khu vực và quốc tế thông qua các định chế quốc tế, với mục tiêu trở thành một cường quốc toàn cầu và ủng hộ xây dựng một trật tự thế giới đa cực, một châu Á đa cực và cân bằng.

Hiện nay, Ấn Độ đang nỗ lực mở rộng "biên giới địa chiến lược" (geostrategic frontiers) về phía Đông để "răn đe chiến lược" (strategic deterrence) đối với Trung Quốc [15]. Ngoại trưởng Mỹ Hillary Clinton đã ca ngợi Ấn Độ là “một chủ thể quan trọng trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương” [16], nên cần đóng một vai trò lớn hơn trong các vấn đề khu vực. Hiện nay, Ấn Độ không chỉ chuyển từ vị trí quan sát thụ động sang chủ động mà còn giúp cân bằng quyền lực. Tầm quan trọng này trước hết là xuất phát từ vị thế tiềm lực kinh tế và quân sự của Ấn Độ. Ngoài ra còn xuất phát từ nhu cầu bảo vệ lợi ích quốc gia và khẳng định vị thế của Ấn Độ.

3.1.2. Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương trong chính sách của Nhật Bản

Chính sách đối ngoại thời hậu chiến của Tokyo giai đoạn 1952-1973 tuân theo “sự tách biệt giữa kinh tế và chính trị”, theo đó, tránh liên quan đến hầu hết các vấn đề/xung đột quốc tế. Tuy nhiên, giai đoạn của chính sách này đột ngột kết thúc vào cuối năm 1973 khi mà Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) tăng gấp 4 lần giá dầu và lệnh cấm vận dầu mỏ của các quốc gia Ả Rập. Chính thời điểm này, Nhật Bản đã hiểu rằng không thể tách rời kinh tế ra khỏi chính trị được, vì vậy chiến lược “an ninh toàn diện” (sogo anzen hoshō) của nước này cần sự tham gia ngoại giao tích cực [17]. Đó chính là tiền đề cho “Học thuyết Fukuda” do Thủ tướng Nhật Bản Takeo Fukuda đưa ra vào tháng 8/1977 trong đó tuyên bố “Quyết tâm của Nhật Bản không bao giờ trở thành một cường quốc quân sự nữa và cố gắng tăng cường quan hệ với các quốc gia Đông Nam Á”. Trong đó, duy trì mối quan hệ chặt chẽ với ASEAN vì khu vực này kiểm soát các “điểm nghẽn” dọc tuyến đường vận chuyển dầu mỏ của Nhật Bản từ Trung Đông. Trong thời kỳ này, Nhật Bản đã bắt đầu chú trọng và ưu ái các quốc gia ven biển thuộc khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, đồng thời đưa ra quan điểm rằng, an ninh trong khu vực phải được giao phó cho các quốc gia xung quanh Ấn Độ Dương, Nhật Bản cũng cần mở rộng ảnh hưởng và sức mạnh hải quân để duy trì hòa bình trong khu vực hay thực hiện các chức năng tìm kiếm, cứu nạn và giám sát.

Quá trình hình thành chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Nhật Bản đã trải qua 4 giai đoạn phát triển: (1) xuất hiện ban đầu (2006-2012), (2) hình thành ban đầu (2012-2016), (3) mở rộng (2016-2018) và (4) phát triển toàn diện (2018 - nay), đồng thời liên tục thúc đẩy sự phát triển của chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương theo hướng thể chế hóa và trưởng thành hơn từ nhiều hướng và nhiều lĩnh vực như chia sẻ giá trị toàn diện, cạnh tranh kinh tế - thương mại, an ninh hàng hải và các cơ chế đa phương [18].

Trong giai đoạn đầu tiên xuất hiện, nổi lên hai vấn đề then chốt: “kết nối” và “an ninh hàng hải”. Taro Aso - Bộ trưởng Ngoại giao Nhật Bản, chính thức đề xuất thiết lập một “Vòng cung Tự do và Thịnh vượng” (2006). Chính sách Vòng cung tìm cách tạo ra một liên minh các quốc gia tôn trọng các giá trị cơ bản như tự do, dân chủ, các quyền cơ bản của con người, pháp quyền và kinh tế thị trường. Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở của Nhật Bản bắt nguồn từ tháng 8/2007, trong bài phát biểu trước Quốc hội Nhật Bản, Thủ tướng Nhật Bản Shinzo Abe đã nhắc đến khu vực là “Nơi hợp lưu của hai đại dương” [19]. Shinzo Abe nhấn mạnh quan hệ đối tác chiến lược toàn cầu Nhật Bản - Ấn Độ là một minh chứng cho chính sách vòng cung, để đảm bảo an ninh đường biển ở cả Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương [20]. Điều này hình dung Nhật Bản mới thực sự dành quan tâm đặc biệt cho Ấn Độ và sẽ vượt tầm ảnh hưởng ra ngoài khu vực địa lý truyền thống của mình, cụ thể là khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Giai đoạn 2 là hình thành. Kể từ khi Thủ tướng Nhật Bản Shinzo Abe trở lại nắm quyền lần thứ 2 vào năm 2012 và nhất là trước sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc từ sau Đại hội XVIII của Đảng Cộng sản Trung Quốc, Nhật Bản mới thực sự dành quan tâm đối với Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Shinzo Abe đề xuất “Viên kim cương an ninh dân chủ châu Á (2012). Ông lập luận rằng Nhật Bản, với tư cách là một trong những quốc gia dân chủ đi biển lâu đời nhất, nên đóng vai trò bảo vệ lợi ích chung ở Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương.

Giai đoạn 3 là sự mở rộng. Khi Mỹ công bố chiến lược “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở” tại Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) vào tháng 11/2017. Chính phủ Nhật Bản cũng đã mở rộng vai trò chiến lược và tầm nhìn của mình để phát triển khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở như “hành hóa công cộng toàn cầu”, thông qua bảo đảm trật tự quốc tế dựa trên luật lệ, minh bạch và coi trọng vai trò trung tâm của ASEAN nhằm mang lại ổn định và thịnh vượng cho mọi quốc gia. Nhật Bản sẽ hợp tác với bất kỳ quốc gia nào ủng hộ ý tưởng này [21].

“Ngoại giao có góc nhìn toàn cảnh” và “Đóng góp tích cực cho hòa bình” của Shinzo Abe đã trở thành cơ sở ngoại giao của Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, tự do và rộng mở. Sau này là chính sách hướng tới trở thành một bên tham gia chính trong nền kinh tế và chính trị thế giới toàn cầu; góp phần vào hòa bình, thịnh vượng và ổn định trên thế giới; đảm bảo an ninh của Nhật Bản và khu vực châu Á - Thái Bình Dương trên cơ sở “nguyên tắc hợp tác quốc tế”. Tóm lại, xương sống của chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Nhật Bản là “Mỹ ở, Trung Quốc xuống, Australia/Ấn Độ/ASEAN lên” (US in, China down, Australia/India/ASEAN up) [22].

Giai đoạn 4 là phát triển toàn diện. Ở giai đoạn này, để tránh hơn nữa tình thế đối đầu với Trung Quốc ở Đông Á, Nhật Bản đã chọn cách làm suy yếu đặc điểm đối đầu quân sự trực diện của Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, nhấn mạnh và mở rộng chiến lược này trong các lĩnh vực địa kinh tế, khoa học, công nghệ và xây dựng thể chế. Và dần dần thúc đẩy việc cố định và bình thường hóa các cơ chế đa phương nhỏ, đồng thời mở rộng chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương thành chiến lược đối ngoại toàn diện bao gồm: an ninh, kinh tế, khoa học công nghệ và xây dựng cơ chế.

Tóm lại, mỗi quốc gia có cách tiếp cận khác nhau về thuật ngữ Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, nhưng tựu chung lại, đều có những điểm chung sau:

Đầu tiên và quan trọng nhất, tất cả các quốc gia (bao gồm cả Ấn Độ) đều khẳng định rằng, Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương là hai đại dương khác nhau nhưng là một không gian chiến lược chung và duy nhất. Và khi các quốc gia này khẳng định sự “hợp lưu” chiến lược của hai đại dương này vào một không gian chiến lược đơn nhất, nó sẽ tạo ra những tác động chiến lược đi kèm. Theo đó, việc quân sự hóa biển Đông sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến Ấn Độ giống như sự phát triển ở Ấn Độ Dương cũng tạo những tác động, hệ quả đối với Nhật Bản và Mỹ.

Thứ hai, việc sử dụng thuật ngữ Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương cho thấy cạnh tranh địa chính trị giữa các nước lớn sẽ diễn ra ở khu vực rộng lớn hơn và sẽ tập trung chủ yếu trong lĩnh vực hàng hải. Bởi không gian địa lý đã được xác định theo các đại dương, chứ không phải bởi bất kỳ đặc điểm lục địa nào. Như vậy, thuật ngữ Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương bản thân nó đã nâng tầm yếu tố hàng hải trong tư duy chiến lược của các

nước lớn trên thế giới. Theo đó, các nhà hoạt động chính sách không chỉ riêng Ấn Độ mà bao gồm các quốc gia trong khu vực sẽ tính toán “đãi hơi” hơn về thương mại hàng hải, kinh tế biển, kinh tế xanh và yêu cầu tham gia tăng sức mạnh của lực lượng hải quân.

Thứ ba, mặc dù thuật ngữ Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương đề cập đến khu vực Ấn Độ Dương chứ không phải Ấn Độ, nhưng một thực tế hiển nhiên là, không thể đề cập đến khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương mà bỏ qua và không xem xét đến vai trò của Ấn Độ. Bởi nhắc đến cấu tạo địa lý của Ấn Độ Dương không thể không nhắc đến Ấn Độ, cũng như những ưu thế địa lý “trời ban tặng”, ưu việt hơn bất kỳ quốc gia nào khác tiếp giáp với Ấn Độ Dương. Ấn Độ sẽ đóng vai trò tích cực để đảm bảo hòa bình và ổn định ở khu vực này, cũng như duy trì trật tự trên biển, ngăn chặn sự can thiệp của các cường quốc bên ngoài là một nghĩa vụ hợp pháp của hải quân Ấn Độ. Do đó, việc sử dụng thuật ngữ Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương đã ngầm thừa nhận vị thế của Ấn Độ trong các động lực thương mại và an ninh khu vực.

3.2. Thực trạng hợp tác Ấn Độ - Nhật Bản trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương

3.2.1. Hợp tác chính trị - ngoại giao

Thông qua kênh chính trị - ngoại giao, Ấn Độ - Nhật Bản đã triển khai khá hiệu quả chính sách hợp tác được thể hiện thông qua: i) Đẩy mạnh các chuyến thăm và đối thoại cấp cao. Tháng 6/2019, các nhà lãnh đạo Ấn Độ và Nhật Bản đã gặp nhau trong Hội nghị thượng đỉnh G20, chính phủ hai nước sẽ tăng cường hợp tác với nước thứ 3 trong lĩnh vực kỹ thuật số thông qua thúc đẩy quỹ đầu tư khởi nghiệp. Để đạt được mục tiêu này, Ấn Độ và Nhật Bản đã tổ chức cuộc họp nhóm làm việc chung để đẩy các dự án hợp tác kỹ thuật số với sự tham gia của chính phủ và các bên liên quan trong ngành (bảng 1).

Tháng 11/2019, Bộ trưởng Ngoại giao Ấn Độ S. Jaishankar và Ngoại trưởng Nhật Bản Motegi Toshimitsu tại Đối thoại chiến lược cấp cao đã đạt được thỏa thuận về “Sáng kiến hàng hải Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, hòa bình và ổn định”: i) Ấn Độ hoan nghênh Nhật Bản trở thành đối tác chính trong các trụ cột kết nối thương mại và vận tải biển ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương; ii) Triển khai chính sách hợp tác ở các cơ chế song phương và đa phương. Ở diễn đàn song phương, cam kết chung của 2 nước đưa đến sự phát triển của nhiều khuôn khổ đối thoại an ninh và quốc phòng khác nhau giữa Nhật Bản và Ấn Độ, bao gồm Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao và Quốc phòng “Cuộc họp 2+2”, lần đầu tiên được tổ chức tại New Delhi vào tháng 11/2019. Cuộc gặp cấp bộ trưởng ngoại giao và quốc phòng nhằm mục đích nâng cao chiều sâu chiến lược của hợp tác an ninh và quốc phòng song phương. Sự tham gia này được xây dựng dựa trên tuyên bố chung về hợp tác an ninh năm 2008 và kế hoạch hành động năm 2009 nhằm thúc đẩy hợp tác an ninh giữa Ấn Độ và Nhật Bản. Trong “Tuyên bố chung về Tầm nhìn Ấn Độ và Nhật Bản 2025” về “Đối tác Chiến lược đặc biệt toàn cầu vì Hòa bình và Thịnh vượng khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và thế giới”. Thủ tướng Ấn Độ và Nhật Bản đã khẳng định “sự cam kết vững chắc nhằm hiện thực hóa một trật tự dựa trên luật lệ, hòa bình, bình đẳng và ổn định ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương”. Hai bên khẳng định tầm quan trọng của hòa bình, ổn định, phát triển ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương đối với an ninh quốc gia và sự thịnh vượng của Ấn Độ và Nhật Bản, tái khẳng định cam kết tiếp tục hợp tác với tất cả các đối tác, đặc biệt là ASEAN, làm cho Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á trở thành diễn đàn cấp cao thảo luận về hòa bình và an ninh khu vực.

Bảng 1. Các chuyến thăm cấp cao giữa hai nước từ 2008-2023.

Thời gian	Ấn Độ sang Nhật Bản	Nhật Bản sang Ấn Độ
1980		Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Mr. Ito
1984	Thủ tướng Mr. Rajiv Gandhi	Thủ tướng Mr. Nakasone
1987	Thủ tướng Mr. Rajiv Gandhi	Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Mr. Kuranari
1990	Tổng thống Mr. Venkataraman	Thủ tướng Mr. Kaifu
2005	Mr. Maran, Bộ trưởng Bộ Công nghệ Thông tin và Truyền thông	Thủ tướng Mr. Koizumi
2008	Thủ tướng Manmohan Singh	Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Mr. Koumura
2009	Bộ trưởng Quốc phòng AK Antony	Thủ tướng Yukio Hatoyama
2010	Thủ tướng Manmohan Singh	Thủ tướng Naoto Kan
2011	Bộ trưởng Quốc phòng AK Antony	Thủ tướng Yoshihiko Noda
2012	Bộ trưởng Quốc phòng AK Antony	Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Mr Gemba
2013	Thủ tướng Manmohan Singh	Thủ tướng Shinzo Abe Nhật hoàng Akihito và Hoàng hậu Michiko
2014	Thủ tướng Narendra Modi	Thủ tướng Shinzo Abe
2015	Bộ trưởng Quốc phòng Manohar Parrikar	Thủ tướng Shinzo Abe Bộ trưởng Quốc phòng Gen Nakatani
2016	Thủ tướng Narendra Modi	Nhật hoàng Akihito và Hoàng hậu Michiko
2017	Bộ trưởng Liên bang về Tài chính, Quốc phòng và Doanh nghiệp, Shri Arun Jaitley	Thủ tướng Shinzo Abe
2018	Thủ tướng Narendra Modi Bộ trưởng Quốc phòng Nirmala Sitharaman	Bộ trưởng Quốc phòng Itsunori Onodera
2019	Tổng thống Ram Nath Kovind	Thủ tướng Shinzo Abe
2020	Ngoại trưởng Harsh Vardhan Shringla Tổng Tham mưu trưởng Quốc phòng Ấn Độ Bipin Rawat	Tướng Izutsu Shunji, Tham mưu trưởng Lực lượng phòng vệ trên không Nhật Bản
2021		Thủ tướng Yoshihide Suga
2022	Thủ tướng Narendra Modi	Thủ tướng Kishida Fumio
2023	Thủ tướng Narendra Modi	Thủ tướng Kishida Fumio

Nguồn: Tổng hợp từ Bộ Ngoại giao Nhật Bản và Ấn Độ.

3.2.2. Hợp tác an ninh - quốc phòng

Lĩnh vực đối thoại an ninh - quốc phòng: Hợp tác an ninh quốc phòng giữa hai quốc gia nổi lên như một trong những lĩnh vực hợp tác chính. Chiến lược an ninh quốc gia (NSS) 2013 của Nhật Bản tán thành quan hệ đối tác với Ấn Độ khi tuyên bố: “Nhật Bản sẽ tăng cường quan hệ song phương trong nhiều lĩnh vực, bao gồm cả an ninh hàng hải, dựa trên quan hệ đối tác Chiến lược và toàn cầu song phương. Khi NSS 2013 được đưa ra, hợp tác an ninh Nhật Bản - Ấn Độ vẫn đang ở giai đoạn đầu. Sau khi cả Thủ tướng Nhật Bản Shinzo Abe và Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi nhậm chức, sự hợp tác này đã đạt được động lực đáng kể [23].

Năm 2014, Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi đưa ra Chính sách hành động phía Đông (AEP), vốn là sự nâng cấp Chính sách hướng Đông (LEP) trước đó, tập trung nhiều hơn vào việc thúc đẩy hợp tác chiến lược và an ninh. Điều này được khởi xướng để giải quyết kịch bản địa chính trị đang thay đổi do sự thống trị của Trung Quốc ở Biển Đông và ảnh hưởng ngày càng tăng của nước này ở khu vực Ấn Độ Dương. Chính sách hướng Đông thực sự là một chiến lược kinh tế, sau khi nâng cấp thành Hành động hướng Đông đã bổ sung một thành phần phòng thủ địa chiến lược. Khả năng đi lại tự do của các tuyến đường biển quốc tế rõ ràng là nguyên lý chính của AEP, kết nối mục tiêu của Ấn Độ với mục tiêu của các chủ

thể tự do khác trong khu vực, chẳng hạn như Australia, Nhật Bản và Mỹ. Năm 2018, Thủ tướng Modi đã coi chiến lược “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do, cởi mở, thịnh vượng và toàn diện” là một trong những mục tiêu chính của AEP [22].

Trên cơ sở đó, quan hệ đối tác an ninh của Tokyo với Delhi đã phát triển ổn định. Một số hiệp ước mang tính bước ngoặt đã được ký kết, bao gồm các thỏa thuận năm 2015 liên quan đến việc chuyển giao thiết bị và công nghệ quốc phòng và các biện pháp an ninh để bảo vệ thông tin quân sự mật; thỏa thuận mua lại và cung cấp dịch vụ chéo (ACSA) năm 2021 và bản ghi nhớ hợp tác năm 2022 trong lĩnh vực an ninh mạng. “Tầm nhìn Nhật Bản và Ấn Độ 2025” năm 2015 thể hiện cam kết của hai thủ đô đối với “một Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương hòa bình, cởi mở, công bằng, ổn định và dựa trên luật lệ” và ý định thúc đẩy cơ sở hạ tầng chất lượng để tăng cường kết nối trong khu vực [24]. Hơn nữa, đối thoại cấp bộ trưởng 2+2 đã được thiết lập vào năm 2019 và hai bên làm việc cùng nhau để phát triển hợp tác bộ tứ kể từ năm 2017.

Lĩnh vực tập trận chung: Cuộc tập trận hàng hải đầu tiên giữa Ấn Độ và Nhật Bản bắt đầu vào ngày 9/6/2012 ngoài khơi Tokyo. Hai tàu khu trục, một máy bay tuần tra hàng hải và một máy bay trực thăng thuộc lực lượng phòng vệ biển (MSDF) đã tham gia cuộc tập trận, trong đó INS Rana, INS Shivalik, INS Karmukh và hạm đội tàu chở dầu INS Shakti đại diện cho Ấn Độ. Cuộc tập trận kéo dài hai ngày được tổ chức sau khi các tàu chiến Ấn Độ bắt đầu rời Tokyo sau chuyến ghé cảng kéo dài bốn ngày [25]. Ấn Độ và Nhật Bản cũng cùng nhau tuần tra eo biển Malacca để chống lại các hoạt động cướp biển ở đó. Hai bên cũng đã quyết định tăng cường hợp tác trong các hoạt động chống cướp biển ở vịnh Aden và khởi động cơ chế đối thoại trên biển. Các tàu chiến của hải quân hai nước đã bắt đầu phối hợp tuần tra ở vịnh Aden để có thể hộ tống số lượng lớn hơn các tàu chở hàng đi qua vùng biển gặp khó khăn ở đó.

Kể từ năm 2008, các cuộc tập trận quân sự giữa Ấn Độ và Nhật Bản đã nâng cao đáng kể khả năng quân sự, khả năng tương tác và sự tin cậy lẫn nhau của cả hai quốc gia. Các cuộc tập trận đáng chú ý bao gồm JIMEX (Cuộc tập trận hàng hải Nhật Bản - Ấn Độ), một sự kiện thường niên kể từ năm 2012 tập trung vào an ninh hàng hải và kỹ năng chiến đấu, với phiên bản thứ bảy được tổ chức vào tháng 7/2023 [26]. Dharma Guardian, một cuộc tập trận thường niên giữa quân đội hai nước kể từ năm 2018, chú trọng đến việc ngăn ngừa, phòng chống khủng bố và ứng phó thiên tai. Sahyog - Kaijin, cuộc tập trận hai năm một lần giữa lực lượng bảo vệ bờ biển của hai nước được khởi xướng vào năm 2012, nhằm mục đích cải thiện hợp tác thực thi pháp luật hàng hải. Lực lượng phòng vệ mặt đất Nhật Bản (JGSDF) cũng bắt đầu cuộc tập trận chung thường niên với quân đội Ấn Độ tập trung vào chống khủng bố vào năm 2018.

Tập trận hải quân Malabar: Trong bối cảnh sức ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc và sự quyết đoán trong khu vực, ba nền dân chủ hàng hải trên thế giới là Mỹ, Nhật Bản và Ấn Độ, tiến hành các cuộc tập trận hải quân chung - cuộc tập trận Malabar vào giữa mùa hè nhằm giải quyết các mối đe dọa chung đối với an ninh hàng hải ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Malabar ban đầu được thiết kế như một cuộc tập trận hải quân chung thường niên bắt đầu vào năm 1992 giữa hải quân Ấn Độ và Mỹ, sau đó được thể chế hóa theo hiệp định khung quốc phòng Ấn Độ - Mỹ ký vào tháng 6/2005. Hiệp định này hiện đã được gia hạn thêm 10 năm nữa theo thỏa thuận được Bộ trưởng Quốc phòng Ash Carter và Bộ trưởng Quốc phòng Ấn Độ Manohar Parrikar ký kết vào ngày 03/06/2015.

Tuy nhiên, kể từ khi Nhật Bản tham gia vào năm 2007*, địa bàn tập trận đã xen kẽ giữa Tây Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. Cuộc tập trận cũng bao gồm các hoạt động đa dạng khác nhau, với các hoạt động của máy bay chiến đấu từ các tàu sân bay thông qua các diễn tập hoạt động ngăn chặn. Trong thời gian gần đây, cuộc tập trận có ý nghĩa quan trọng vì được tiến hành gần Biển Đông khi sự quyết đoán của Trung Quốc trong khu vực này trở thành một vấn đề cấp bách. Tháng 11/2011, Bộ trưởng Quốc phòng Ấn Độ đã gặp Bộ trưởng Quốc phòng Nhật Bản và quyết định tiến hành cuộc tập trận song phương giữa MSDF và hải quân Ấn Độ. Cuộc tập trận Malabar năm 2014 có cả hoạt động huấn luyện trên bờ và trên biển, tổ hợp phức hợp, cuộc tập trận tác chiến được tổ chức ngoài khơi đảo Okinawa ở Nhật Bản [27].

Cuộc tập trận hải quân Malabar 2016 được coi là bước diễn tập quan trọng trong việc tăng cường sự tin cậy lẫn nhau và khả năng tương tác cũng như chia sẻ những kinh nghiệm tốt nhất giữa hải quân Ấn Độ, Nhật Bản và Mỹ. Sau cuộc tập trận Malabar 2016 là một loạt các cuộc tập trận đang diễn ra với quy mô ngày càng phức tạp qua các năm. Trung Quốc xem một động thái như vậy là nhằm vào mình và như một động thái chống Trung Quốc. Trung Quốc cũng lo ngại Ấn Độ cải tiến chiến tranh tàu ngầm và lo ngại các lực lượng phòng vệ biển của Nhật Bản sẽ sử dụng khả năng nâng cao để do thám Trung Quốc. Trung Quốc hình dung Ấn Độ và Nhật Bản sẽ hợp tác để trở thành một phần của một nhóm lớn hơn có trụ sở tại Mỹ nhằm ngăn chặn sự trỗi dậy của Trung Quốc. Trung Quốc đã công khai cáo buộc Nhật Bản làm gia tăng căng thẳng “bằng cách ác ý phóng đại mối đe dọa của Trung Quốc” [28].

Cuộc tập trận Malabar sẽ tiếp tục giúp duy trì và tăng cường sự ổn định và an ninh của khu vực Thái Bình Dương - Ấn Độ Dương. Quan hệ đối tác hàng hải toàn diện của Ấn Độ với Nhật Bản - quốc gia đang mở rộng phạm vi hoạt động ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương cũng sẽ giúp đảm bảo an ninh và ổn định đáng tin cậy ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Điều quan trọng là, việc diễn giải lại Điều 9 của Hiến pháp Nhật Bản sẽ cho phép Nhật Bản cải thiện và xác định lại vị trí chiến lược của mình ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương như một lực lượng quân sự đáng tin cậy ở phía Đông và là một đối tác quân sự mạnh mẽ ở Ấn Độ.

Vai trò của các cuộc tập trận song phương và chung này rất quan trọng trong việc cải thiện và tăng cường khả năng tương tác và phối hợp giữa lực lượng phòng thủ của hai nước. Hơn nữa, những cuộc tập trận chung cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc giúp nhân viên quốc phòng làm quen với các thiết bị quốc phòng của nhau, điều này sẽ cải thiện triển vọng buôn bán vũ khí giữa hai nước.

3.2.3. Hợp tác kinh tế

Giống như Ấn Độ, Nhật Bản cảnh giác với ảnh hưởng của Trung Quốc trong khu vực. Do đó, Nhật Bản đã không ngừng tăng cường dòng vốn đầu tư vào các nước, đồng thời biến Nhật Bản trở thành đối tác lý tưởng của Ấn Độ khi Ấn Độ theo đuổi cam kết chiến lược mở rộng hơn với khu vực theo chính sách “Hành động hướng Đông” của mình.

Quan hệ hợp tác đối tác Ấn Độ và Nhật Bản trong lĩnh vực kinh tế ngày càng được phát triển. Đây không chỉ là quốc gia đông dân thứ nhất thế giới, tốc độ tăng trưởng kinh tế của nước này hiện nay luôn cao hơn Trung Quốc, các số liệu thống kê kinh tế đáng tin cậy hơn và trong các

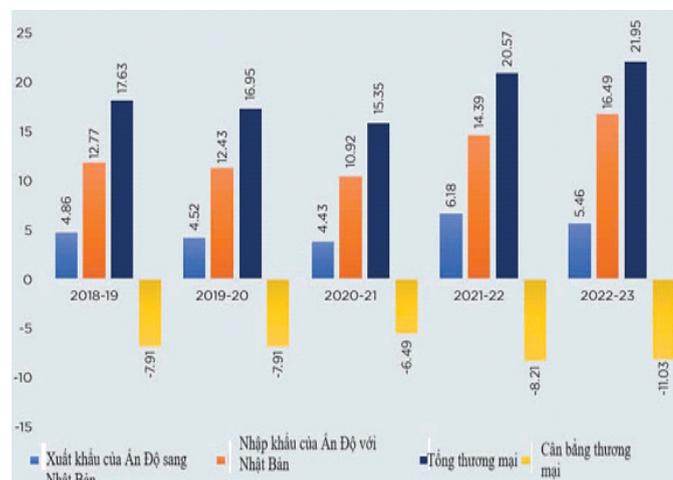
cuộc bầu cử gần đây, Ấn Độ đã củng cố được thể đa số chính trị ở cả hạ viện và thượng viện trong quốc hội, do đó tạo ra sự ổn định chính trị cần thiết cho những cải cách sâu sắc tiếp tục.

Nền kinh tế phát triển cao của Nhật Bản là sự bổ sung phù hợp cho nền kinh tế đang phát triển nhanh chóng của Ấn Độ. Là nền kinh tế lớn thứ ba thế giới, Nhật Bản là một cường quốc về công nghệ, tài chính và kinh doanh với sức mạnh kinh tế đã là động lực mạnh mẽ đằng sau sự trỗi dậy của nhiều con hổ châu Á, giờ đây dường như đang giúp đánh thức con voi Ấn Độ. Bí quyết, công ty và đầu tư của Nhật Bản là nền tảng cho sự thịnh vượng ở hầu hết mọi nơi ở châu Á. Ấn Độ và Nhật Bản có sự bổ sung cao về nhân khẩu học, cơ cấu kinh tế, triển vọng dân số già của Nhật Bản và dân số trẻ, năng động của Ấn Độ; sự khan hiếm lao động và nguồn vốn dồi dào của Nhật Bản đối với nguồn nhân lực dồi dào của Ấn Độ; năng lực sản xuất hàng hóa của Nhật Bản so với nguồn tài nguyên thiên nhiên dồi dào của Ấn Độ. Những yếu tố này sẽ chỉ củng cố nền tảng kinh tế của trục quan hệ Nhật Bản - Ấn Độ trong những năm tới.

Thương mại song phương giữa Ấn Độ và Nhật Bản đã tăng từ 17,63 tỷ USD trong giai đoạn 2018-2019 lên 22 tỷ USD giai đoạn 2022-2023, ghi nhận tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) khoảng 5,63% (hình 1). Xuất khẩu của Ấn Độ sang Nhật Bản tăng từ 4,86 tỷ USD trong giai đoạn 2018-2023, đạt tốc độ CAGR khoảng 3%. Mặt khác, nhập khẩu của Nhật Bản đã tăng đáng kể trong những năm gần đây. Nhập khẩu của Ấn Độ từ Nhật Bản tăng từ 12,7 tỷ USD năm 2018 lên 16,4 tỷ USD năm 2023, ghi nhận tốc độ CAGR hơn 6,6%. Cán cân thương mại của Ấn Độ và Nhật Bản được ghi nhận ở mức -7,91 tỷ USD năm 2018. Tuy nhiên, do nhập khẩu từ Nhật Bản ngày càng tăng trong năm 2023, cán cân thương mại của Ấn Độ được ghi nhận ở mức -11,03 tỷ USD trong năm 2023, giảm từ -8,2 tỷ USD năm 2022.

Nhật Bản hiện đang triển khai sức mạnh kinh doanh, ngoại giao và chính trị đầy ấn tượng của mình đằng sau Ấn Độ. Đầu tư trực tiếp nước ngoài của Nhật Bản vào Ấn Độ gần đây đã tăng lên, trung bình đạt 5 tỷ USD mỗi năm trong nhiều năm qua. Ấn Độ cũng là nước nhận hỗ trợ phát triển nước ngoài lớn nhất của Nhật Bản ở Nam Á, giúp tài trợ cho nhiều dự án cơ sở hạ tầng đường bộ, đường sắt, cảng và năng lượng [29]. Năm 2020, Nhật Bản là nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn thứ tám ở Ấn Độ [30].

Đơn vị: tỷ USD.



Hình 1. Thương mại Ấn Độ - Nhật Bản từ 2018-2023. Nguồn: Bộ Thương mại và Công nghiệp Ấn Độ (2024).

*Cuộc tập trận hải quân với sự tham gia của 26 tàu chiến từ Australia, Nhật Bản và Singapore.

Mối quan hệ kinh tế song phương cũng đã trở nên sâu sắc hơn trong những năm gần đây, mặc dù mức độ thương mại đầu tư hiện nay vẫn còn khiêm tốn. Trong chuyến thăm của ông Kishida Fumio tới New Delhi, Nhật Bản đã cam kết khoản đầu tư 5 nghìn tỷ yên (tương đương 42 tỷ USD) vào Ấn Độ, tiếp nối khoản đầu tư 3,5 nghìn tỷ yên được công bố vào năm 2014. Thương mại song phương cũng có dư địa tăng trưởng đáng kể. Nhật Bản tiếp tục kêu gọi Ấn Độ xem xét lại việc tham gia Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện khu vực (RCEP) giữa 15 quốc gia châu Á, có hiệu lực từ tháng 1 năm 2022, sau khi Ấn Độ rời khỏi các cuộc đàm phán vào năm 2019. Khó có khả năng Ấn Độ sẽ chính thức tham gia RCEP trong vòng vài năm tới, chủ yếu là do Ấn Độ lo ngại về thỏa thuận có lợi cho Trung Quốc. Cơ hội mở rộng thương mại của hai nước cũng có thể tăng cường thông qua khung kinh tế thịnh vượng Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương do Mỹ dẫn đầu, được đưa ra vào ngày 23/5/2023, trong đó Ấn Độ và Nhật Bản là 2/12 quốc gia “đối tác ban đầu”.

Đầu tư cơ sở hạ tầng giữa Ấn Độ và Nhật Bản tiếp tục là lĩnh vực quan trọng nhằm thúc đẩy kinh tế liên vùng và hội nhập nội vùng giữa các trung tâm tăng trưởng và duy trì mạng lưới sản xuất khu vực trong Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Nhật Bản trở thành đối tác tin cậy để phát triển cơ sở hạ tầng ở quần đảo Andaman và Nicobar, nơi Ấn Độ đặt mục tiêu mở rộng sức mạnh trên vịnh Bengal và eo biển Malacca. Hợp tác Ấn Độ - Nhật Bản trong mạng lưới cơ sở hạ tầng và các cơ chế tài chính của Nhật Bản đóng vai trò trung tâm trong việc đẩy lùi các khoản đầu tư sáng kiến vành đai con đường (BRI) của Trung Quốc. Điều này đặc biệt rõ ràng thông qua chương trình “Quan hệ đối tác mở rộng vì cơ sở hạ tầng chất lượng” (Partnership for Quality Infrastructure - PQI) của Thủ tướng Shinzo Abe được khởi động vào năm 2015, Nhật Bản đã miêu tả PQI như một giải pháp thay thế chất lượng cao cho cơ sở hạ tầng BRI. PQI nhằm hai mục tiêu phát triển kinh tế khu vực và tăng cường quan hệ đối tác chiến lược nhằm cân bằng ảnh hưởng với Trung Quốc [31]. Việc Nhật Bản tập trung vào tài trợ cho cơ sở hạ tầng trên khắp Nam Á sau đó thể hiện phản ứng đối với BRI nhất quán với việc định hình Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở (Free and Open Indo - Pacific - FOIP) như một sáng kiến tập trung vào phát triển/kết nối hơn là một chiến lược ngăn chặn quân sự.

3.3. Bàn luận

Ban đầu Ấn Độ do dự khi tham gia hợp tác an ninh với Nhật Bản để “kiềm chế” Trung Quốc, nhưng sau đó đã chuyển sang lập trường chủ động hơn vào giữa những năm 2010. Sự miễn cưỡng này là do các nguyên tắc không liên kết và tự chủ chiến lược của Ấn Độ, nỗ lực của nước này nhằm cân bằng quan hệ với cả Trung Quốc và Nhật Bản, cũng như tập trung vào phát triển kinh tế hơn là mở rộng quân sự. Tuy nhiên, mối lo ngại ngày càng tăng về sự quyết đoán của Trung Quốc, những thay đổi lãnh đạo cầm quyền và sự phát triển của đối thoại tứ giác an ninh (Quadrilateral Security Dialogue - QUAD) đã thúc đẩy Ấn Độ thay đổi cách tiếp cận.

Các hoạt động tập trận chung giữa hai nước hay tập trận Malabar của QUAD đều phản ánh trực tiếp chiến lược tái cân bằng quyền lực trong khu vực châu Á. Cả Nhật Bản và Ấn Độ đều có sự nhất quán trong triển khai chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và cởi mở. Lợi ích cốt lõi của Ấn Độ có thể tập trung chủ yếu ở Ấn Độ Dương, nhưng sự hiện diện ở bên ngoài sẽ giúp gia tăng sự hiện diện và ảnh hưởng của mình, góp phần vào các mục tiêu ổn định rộng lớn hơn của châu Á. Thứ nhất, cả hai quốc gia đều chia sẻ các mối quan ngại về an ninh, bao gồm sự ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc, chủ nghĩa khủng bố, cướp biển

và sự phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. Thứ hai, quan hệ song phương Ấn Độ và Nhật Bản sẽ tạo ra một trật tự ổn định ở châu Á. Lợi ích kinh tế của mối quan hệ này có thể mở rộng sang các nước khác trong khu vực, đặc biệt là ở Đông Nam Á, nếu Ấn Độ và Nhật Bản hợp tác cùng nhau sản xuất khí tài quân sự.

Nhật Bản - Ấn Độ là những đối tác ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương có chung những nguyên tắc như tự do, dân chủ và pháp quyền. Chính phủ hai nước luôn khẳng định tầm quan trọng đặc biệt trong sự hợp tác song phương trong nỗ lực duy trì và thúc đẩy một nền kinh tế tự do và khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương rộng mở, chia sẻ hiểu biết về tình hình an ninh trong khu vực. Mối liên kết giữa Ấn Độ và Nhật Bản giúp xây dựng một mạng lưới ảnh hưởng chiến lược để kiềm chế Trung Quốc trong khi vẫn để cánh cửa mở bằng cách thúc đẩy hợp tác chính trị và kinh tế.

Mặc dù hai nước thừa nhận rõ ràng mình là đối tác quan trọng trong nỗ lực thúc đẩy cấu trúc Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, tầm nhìn của hai nước về không gian trong khu vực là khác nhau. Sự khác biệt thể hiện ở vai trò chính mà họ muốn đảm nhận và lĩnh vực họ ưu tiên. Tầm nhìn Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Nhật Bản là toàn diện nhất với sự bao gồm của lục địa châu Phi, cho thấy “hai đại dương” nối liền “hai lục địa” châu Á và châu Phi.

Bất chấp mối quan hệ hợp tác ngày càng tăng với Mỹ và Nhật Bản, Ấn Độ tập trung quan niệm về Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương xoay quanh Hiệp hội Vành đai Ấn Độ Dương, bao gồm toàn bộ vành đai Ấn Độ Dương cũng như các khu vực Tây Thái Bình Dương, cụ thể là Đông Nam Á và một phần của châu Đại Dương. Tầm nhìn này có thể hiểu được do vị trí trung tâm về mặt địa lý của Ấn Độ ở Ấn Độ Dương cũng như vai trò của nước này với tư cách là một cường quốc trong khu vực. Mối quan hệ mở rộng của Ấn Độ với các quốc gia Tây Thái Bình Dương cho thấy bản đồ rõ ràng về cấu trúc Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Ấn Độ vì nó thể hiện thực tế của khả năng kết nối cũng như khả năng triển khai sức mạnh mới chớm nở của Ấn Độ.

4. Kết luận

Sở dĩ hai nước tăng cường hợp tác là vì có nhiều lợi ích và lý do chung để hợp tác. Thực tế theo đuổi mục tiêu chung lợi ích, được hỗ trợ bởi những kỳ vọng thực tế về những gì hợp tác song phương có thể đạt được, là cách tiếp cận hiệu quả nhất để đảm bảo rằng họ phát huy hết tiềm năng của mình. Nhật Bản và Ấn Độ đã được hưởng lợi từ sự ổn định của Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương về thịnh vượng, an ninh và do đó chia sẻ trách nhiệm duy trì trật tự này.

Sự hội tụ của mối quan hệ Ấn Độ, Nhật Bản ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương thúc đẩy niềm tin và sự tự tin để thúc đẩy một trật tự tự do, cởi mở, dựa trên luật lệ và toàn diện. Nhật Bản và Ấn Độ là đối tác ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương có chung các giá trị cơ bản như tự do, dân chủ, pháp quyền. Khi hai trong số các nền dân chủ trưởng thành nhất trên thế giới tập hợp lại nhằm đạt được lợi ích chung cho tất cả mọi người.

Sự hợp tác ngày càng tăng giữa Ấn Độ và Nhật Bản, đặc biệt là trong lĩnh vực an ninh - quốc phòng sẽ giúp tăng cường ổn định khu vực và cân bằng quyền lực ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Việc tăng cường quan hệ đối tác Ấn Độ - Nhật Bản, cùng với sự tham gia của họ trong QUAD, góp phần phát triển cấu trúc an ninh khu vực nhằm duy trì

hòa bình và thúc đẩy trật tự dựa trên luật lệ. Bên cạnh đó, quan điểm của Ấn Độ là, chính sách không liên kết và tự chủ chiến lược vẫn luôn rất quan trọng. Vì vậy, Ấn Độ duy trì sự cân bằng thông qua các mối quan hệ hợp tác đa phương, thay vì chỉ thúc đẩy hợp tác song phương với Nhật Bản. Điều này cũng phù hợp với quan điểm của Nhật Bản. Do đó, Ấn Độ và Nhật Bản tăng cường hợp tác song phương và đa phương, thúc đẩy một khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do, mở và toàn diện, giải quyết các thách thức an ninh phi truyền thống và tăng cường hợp tác trong các lĩnh vực như chống khủng bố, an ninh mạng và phát triển cơ sở hạ tầng.

LỜI CẢM ƠN

Bài viết là kết quả của đề tài: “Quan hệ Ấn Độ - Nhật Bản trong khuôn khổ hợp tác Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương” (2024) do Viện Nghiên cứu Nam Á, Tây Á và châu Phi chủ trì. Tác giả xin chân thành cảm ơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] A. Duc (2014), “Will Japan and India lead Asia in shaping the 21st century?”, *Communist Review*, <https://tapchiconsan.org.vn/hoat-ong-cua-lanh-ao-ang-nha-nuoc/-/2018/29508/nhat-ban%2C-an-do-se-dan-dat-chau-a-%E2%80%9C9Cding-hinh%E2%80%9D-the-ky-xxi-%3F.aspx>, accessed 12 August 2024 (in Vietnamese).
- [2] H.K. Nam (2017), *International Relations Theory*, World Publishing House, 249pp (in Vietnamese).
- [3] S.R. Chinoy (2020), “India and the changing dynamics of the Indo-Pacific”, *Asia Policy*, **15**, pp.21-35, DOI: 10.1353/asp.2020.0049.
- [4] Ngaibakching, A. Pande (2019), “India’s Act East policy and ASEAN: Building a regional order through partnership in the Indo-Pacific”, *International Studies*, **57(1)**, pp.67-78, DOI: 10.1177/0020881719885526.
- [5] K. Holsti (1970), “National role conceptions in the study of foreign policy”, *International Studies Quarterly*, **14**, pp.233-309, DOI: 10.2307/3013584.
- [6] R.H. Turner (2001), *Handbook of Sociological Theory*, Springer, pp.233-254, DOI: 10.1007/0-387-36274-6_12.
- [7] B.A. Thoker, B. Singh (2018), “India in the Asia-Pacific power dynamics: Problems and prospects”, *The Journal of International Issues*, **22(3)**, pp.82-93.
- [8] M. Horam (2022), “Contextualizing India’s Act East policy within the geopolitical dynamics of the Asia-Pacific region”, *Indian Journal of Asian Affairs*, **35**, pp.58-72.
- [9] P.P. Choudhury (2017), “Think West to go West: Origins and implications of India’s West Asia policy under Modi (Part 2)”, *Middle East Institute*, <https://www.mei.edu/publications/think-west-go-west-origins-and-implications-indias-west-asia-policy-under-modi-part-ii>, accessed 15 May 2024.
- [10] Prime Minister’s Office, Government of India (2013), *PM’s Speech at The Foundation Stone Laying Ceremony for The Indian National Defence University at Gurgaon*, <https://archivepmo.nic.in/drmanmohansingh/speech-details.php?nodeid=1316>, accessed 19 May 2024.
- [11] A. Mukherjee (2014), *India as a Net Security Provider: Concept and Impediments*, Policy Brief, https://www.rsis.edu.sg/wp-content/uploads/2014/09/PB_140903_India-Net-Security.pdf, accessed 19 May 2024.
- [12] W. Ladwig (2024), “The Indo-Pacific in Indian Foreign Policy”, *Rusi*, <https://www.rusi.org/explore-our-research/publications/policy-briefs/indo-pacific-indian-foreign-policy>, accessed 25 August 2024.
- [13] Ministry of External Affairs, Government of India (2018), *Prime Minister’s Keynote Address at Shangri La Dialogue*, https://www.mea.gov.in/Speeches-Statements.htm?dtl/29943/Prime_Ministers_Keynote_Address_at_Shangri_La_Dialogue_June_01_2018, accessed 15 August 2024.
- [14] Italian Institute For International Political Studies (2019), *Geopolitics By Other Means: The Indo-Pacific Reality*, https://www.ispionline.it/sites/default/files/publicazioni/indo-pacific_web.def_.pdf, accessed 2 August 2024.
- [15] Ians (2013), “Hillary Clinton lauds India’s role in Indo-Pacific region, urges for increased participation”, *India Today*, <https://www.indiatoday.in/world/rest-of-the-world/story/hillary-clinton-lauds-indias-role-indo-pacific-region-talks-china-briefly-in-australia-121455-2012-11-13>, accessed 3 August 2024.
- [16] I. Takashi, P. Jain (2000), *Japanese Foreign Policy Today*, Palgrave Macmillan New York, DOI: 10.1007/978-1-349-62529-1.
- [17] S. Pan, W. Wang, Q. Ye (2023), “Based on Japan’s Indo-Pacific strategy, explore the development path of China-Japan relations”, *SHS Web of Conferences*, accessed 5 August 2024.
- [18] Ministry of Foreign Affairs of Japan (2019), *Japan-U.S.-India Summit Meeting*, <https://www.mofa.go.jp/region/asia-paci/india/data.html>, accessed 2 August 2024.
- [19] Ministry of Foreign Affairs of Japan (2007), *Confluence of The Two Seas*, <https://www.mofa.go.jp/region/asia-paci/pm0708/speech-2.html#:~:text=What%20I%20would%20like%20to%20convey%20to%20you,%20the%20representatives>, accessed 15 August 2024.
- [20] Japan International Cooperation Agency (2021), *Annual Report*, 86pp, https://www.jica.go.jp/Resource/english/publications/reports/annual/2021/fp4rb000000sky0-at/2021_all.pdf, accessed 15 August 2024.
- [21] K. Koga (2019), “Japan’s free and open Indo-Pacific strategy: Tokyo’s tactical hedging and the implications for ASEAN”, *Contemporary Southeast Asia*, **41(2)**, pp.286-313, DOI: 10.1355/cs41-21.
- [22] M. Kurita (2023), “Japan-India security cooperation: Progress without drama”, *Stimson*, <https://www.stimson.org/2023/japan-india-security-cooperation-progress-without-drama/>, accessed 15 June 2024.
- [23] P. De (2020), “India’s Act East policy is slowly becoming act Indo-Pacific policy under Modi government”, *The Print*, <https://theprint.in/pageturner/excerpt/india-act-east-policy-is-becoming-act-indo-pacific/389502/>, accessed 20 June 2024.
- [24] R. Panda (2012), “India-Japan defence partnership”, *Indian Foreign Affairs Journal*, **7(3)**, pp.311-320.
- [25] Ministry of Defence, Government of India (2015), *Exercise Malabar*, <http://pib.nic.in/newsite/PrintRelease.aspx?relid=128755>, accessed 8 July 2024.
- [26] T. Singh (2014), “The Malabar exercises: India, Japan and the US”, *Institute of Peace and Conflict Studies*, https://www.ipcs.org/comm_select.php?articleNo=4282, accessed 6 August 2024.
- [27] A. Chubb (2021), “PRC assertiveness in the south China sea, measuring continuity and change”, *International Security*, pp.79-121, <https://direct.mit.edu/isec/article/45/3/79/95273/PRCAssertiveness-in-the-South-China-SeaMeasuring>, accessed 6 August 2024.
- [28] D. Baruah (2016), “Toward strategic economic cooperation between India and Japan”, *Carnegie India*, <https://carnegieendowment.org/research/2016/12/toward-strategic-economic-cooperation-between-india-and-japan?lang=en>, accessed 19 June 2024.
- [29] V. Solanki, M. Togashi (2022), “India and Japan enhance cooperation despite their differences”, *IISS*, <https://www.iiss.org/sv/online-analysis/online-analysis/2022/05/india-and-japan-enhance-cooperation-despite-their-differences/>, accessed 8 June 2024.
- [30] R. Basrur, S.N. Kutty (2021), “Modi’s India and Japan: Nested strategic partnerships”, *International Politics*, **59**, pp.67-89, DOI: 10.1057/s41311-021-00288-2.
- [31] Ministry of Foreign Affairs of Japan (2020), *Signing of The Agreement between The Government of Japan and The Government of The Republic of India Concerning Reciprocal Provision of Supplies and Services between the Self-defence Forces of Japan and The Indian Armed Forces*, https://www.mofa.go.jp/press/release/press4e_002896.html, accessed 8 June 2024.